

HOÀNG GIÁP TRẦN ĐỨC MẬU -TÀI NĂNG VÀ BẤT HẠNH

Nguyễn Huệ Chi*

Trên mảnh đất Ích Hậu, huyện Can Lộc (vốn tên là Thiên Lộc - gần đây xã Ích Hậu đã chuyển sang huyện Lộc Hà), thừa tuyên Nghệ An (nay thuộc Hà Tĩnh), trong vòng mười thế kỷ dưới thời phong kiến đã sản sinh hai vị đại khoa cùng đỗ đến học vị Hoàng giáp mà tư liệu văn chương sách vở đến nay đều hầu như thất truyền, đó là Trần Đức Mậu 陳德懋 ở thế kỷ XV và Nguyễn Văn Giai ở thế kỷ XVII. Nhưng Trần Đức Mậu thiệt thời hơn Nguyễn Văn Giai ở chỗ, tên tuổi ông hoàn toàn vắng bóng trong các bộ sử ngoại trừ *Đăng khoa lục*, trong khi tên tuổi Nguyễn Văn Giai (1554-1628), người giữ chức Tể tướng cai quản lục bộ đầu thời Lê trung hưng, còn để lại được dù chỉ dăm câu. Vì thế, cũng như đối với nhiều – rất nhiều – danh sĩ khác cùng chịu chung số phận tương tự hai ông, cách bổ sung sử liệu tốt nhất để phục dựng một vài nét về sự nghiệp của họ là các bộ gia phả và địa phương chí cũng như nguồn truyền thuyết dân gian. Phương pháp quy chiếu từ hai chiều lịch sử và giai thoại/huyền thoại đan dệt nhau phải là phương pháp chung cho những nhân vật khoa bảng kiểu này nếu muốn đạt được một hình ảnh không quá sơ lược hoặc mù mờ mà nằm ở khoảng giữa “bất khả tri” và sự hiện hữu về họ. Trong khi soi tìm hình ảnh Trần Đức Mậu, bên cạnh một số thơ ca ghi chép trong cuốn *Ca dao, thơ phú và chuyện hát Nghệ Tĩnh* của Nguyễn Hiệt Chi biên soạn khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; các truyền thuyết thu thập trong công trình *Văn học dân gian sưu tầm ở Ích Hậu* (1968 - 1970) của Nguyễn Đồng Chi và Đoàn Thị Tịnh; cuốn *Nguyễn Đức thị Đông Các đại tông phổ toàn biên* 阮德氏東閣大宗譜全編 do Cử nhân Nguyễn Vĩ 阮偉 đề tựa ngày 25 tháng Chín năm Tự Đức thứ 22 (1869) và Giáo thụ Nguyễn Lợi 阮利 đề tựa phần tục biên ngày cuối xuân năm Bảo Đại thứ 13 (1938) là chỗ dựa chủ chốt của chúng tôi.

Trần Đức Mậu được chép trong *Đăng khoa lục* là người xã Ích Hậu, huyện Thiên Lộc, trấn Nghệ An (nay chuyển về huyện Lộc Hà, Hà Tĩnh). Nhưng gia phả lại nói ông là con cháu trực hệ nhà Trần ở Thiên Trường (Nam Định ngày nay). Từ năm 1990, chúng tôi liên lạc được với ông Trần Đồng, cư ngụ tại Hà Nội, may mắn trong phả ký dòng họ ông có chép rõ thế thứ nhiều đời ngược lên đến tận ông tổ nguyên thủy, trong đó, ở những hệ phái cách ông tổ nguyên thủy khoảng chín, mười đời có lọt vào cái tên Trần Đức Mậu, đỗ Hoàng giáp ở thế kỷ XV trùng với Trần Đức Mậu ở Ích Hậu. Và ông tổ nguyên thủy trong bản tộc phả ấy là... Trần Quang Khải (1241-1294), vị Thái sư nổi tiếng của nhà Trần, em ruột vua Trần

* Thành phố Hà Nội.

Thánh Tông (1240-1290). Vậy là, không hẹn mà gặp, bản tộc phả ông Trần Đồng lưu giữ đã soi tỏ gốc gác ông Trần Đức Mậu trong bản tộc phả của họ Nguyễn Đức: ông chính là di duệ xa đời của Trần Quang Khải, hoàng tộc nhà Trần.

Một vấn đề được đặt ra: con cháu dòng dõi vua chúa nhà Trần chuyển vào sinh sống tại một nơi mà ngay khi vua Trần Nhân Tông (1258-1308) chưa gả công chúa Huyền Trân cho vua Champa để đổi lấy hai châu Ô, Lý (1306) thì vẫn là một vùng heo hút gần cực Nam đất nước, vào thời điểm nào? Các bản gia phả đều không nói đến. Tuy nhiên, cũng có thể suy đoán, đây là những năm sau khi Hồ Quý Ly (1336-?) đã trở thành một đại thần của nhà Trần, tạo được một thế lực ở trong triều uy hiếp sự tồn vong của dòng họ Trần, khiến tôn thất nhà Trần dần dần sa sút và ly tán. Nếu xét cụ thể hơn nữa, có thể thu hẹp lại trong khoảng vài năm trước sau khi nhà Hồ thoán ngôi nhà Trần (1400), với thảm kịch hội thề Đồn Sơn năm 1399 khiến tướng Trần Khát Chân cùng trên 370 hoàng thân quốc thích nhà Trần bị tàn sát. Lìa bỏ quê hương trong thời khắc ấy chạy vào tận phía nam trấn Nghệ An ần náu, chắc chắn đến đời Trần Đức Mậu đã phải là đời thứ ba.

Nhưng mọi dấu tích về một gia đình xuất thân vương giả không còn để lại chút gì tại vùng quê Ích Hậu. Có thể khoảng thời gian 6 thế kỷ từ bấy đến nay đã làm cho những gì nếu có cũng đã biến mất. Mà cũng có thể lúc rời sinh quán ra đi, ông tổ Trần Đức Mậu đã lâm cảnh nghèo hèn, không còn đủ khả năng gây dựng lên một trang ấp bề thế ở đây. Đất Ích Hậu vốn là đất biển bồi thời viễn cổ, ngập mặn gần như quanh năm,⁽¹⁾ cũng khó lòng mở mang trang ấp. Khảo sát tộc phả của nhiều dòng họ Hà Tĩnh còn may mắn giữ được, ta đều thấy tổ tiên của các họ này phần lớn có nguồn gốc từ ngoài Bắc. Dòng họ Nguyễn Huy Lai Thạch, dòng họ Nguyễn Tiên Điền, dòng họ Phan Huy Thạch Hà, vị tổ của Nguyễn Công Trứ... đều từ Bắc chuyển vào. Vì thế, có thể nói Hà Tĩnh xa xưa là mảnh đất di dân. Người di dân chủ yếu là người nghèo, buộc phải đi đến tận địa đầu đất nước để trụ lại tìm con đường sống. Riêng Ích Hậu và Can Lộc nói chung còn là mảnh đất cổ, có dấu vết ngôn ngữ của người Mường xen lẫn với Champa.⁽²⁾ Tại thị trấn Nghèn (Can Lộc), trước 1945 cũng còn vết tích rất rõ của một tháp Chăm, theo *Nghệ An ký* thì chỉ mới bị đổ năm 1777. Là nơi giao thoa của người Chăm, người Mường rồi người Kinh đến tiếp quản sau đây, mảnh đất Can Lộc và Hà Tĩnh hẳn đã không tránh khỏi từng diễn ra nhiều cuộc giao tranh trong quá khứ trước khi xác lập được một địa giới chắc chắn và yên ổn. Vào thế kỷ X con đường thiên lý Nam Bắc đã đi qua Ích Hậu với cái tên còn sót lại là Trại Trần (một dịch trạm của triều đình). Đây chính là nơi các cuộc viễn chinh của các vua Lý-Trần-Lê ghé qua trước khi xuôi theo con sông Hà Hoàng hay sông Cổ Kênh để xuống cửa biển đầu tiên là Cửa Sót rồi dong buồm thẳng vào vương quốc Champa. Tiểu sử và truyền thuyết về Trần Đức Mậu có liên quan đến một trong những cuộc viễn chinh của ông vua lừng danh ở thế kỷ XV - Lê Thánh Tông - khi thuyền ngự của ông xa giá đến vùng này.

Tương truyền dưới triều Hồng Đức, một lần vua Lê Thánh Tông cất binh đi đánh Chiêm Thành. Binh thuyền nhà vua từ ngoài Bắc đi vào dọc theo con sông đào nay còn tên là kênh Nhà Lê, đến tận huyện Thiên Lộc thì rẽ theo sông Hà Hoàng để xuống Cửa Sót. Khi ghé qua đoạn sông Cổ Kênh phía nam xã Ích Hậu gặp lúc triều xuống, thuyền chạm phải các bãi bồi chìm khuất dưới nước và bị mắc cạn. Nhà vua đành cho quân sĩ lên bờ tìm hỏi các bậc phụ lão, chợt nhìn thấy bên bờ sông một cái miếu nhỏ. Được biết đây là miếu do trẻ chăn trâu lập ra để thờ mấy cái trứng rắn chúng nhặt được, ngày ngày thả trâu ven sông khấn vái cầu thần. Nghe nói miếu rất linh, ngài ngự không nề hà đích thân lên khỏi thuyền, đến trước miếu cúi xin thần phù hộ. Bỗng đâu điều kỳ lạ hiển hiện ngay tức khắc. Nhìn ra giữa sông vua và quân lính ngạc nhiên thấy nước từ từ dâng lên, sóng ào ạt vỗ bờ, chỉ phút chốc các đội binh thuyền đang chạm đáy vào cát đã nổi lên hết. Vua lạ lùng kinh hãi, từ tạ thần miếu trở xuống thuyền. Chuyến hành binh ấy thắng to, khi trở về kinh vua liền ban sắc chỉ cho thừa tuyên Nghệ An dựng một ngôi đền nguy nga ở bên bờ sông Cổ Kênh thay cho ngôi miếu nhỏ, giao cho tổng Phù Lưu (trong đó có xã Ích Hậu) thờ cúng. Ngày nay đó là đền Tam Lang nổi tiếng, dân gian vẫn gọi là đền Lớn. Còn khúc sông có những bãi bồi nhấp nhô có cái tên Bạo Ngược vì thường xuyên bị sóng xói lở, từ đây được người vùng Ích Hậu gọi chệch đi là sông Kênh Cạn: “*Chợ gọi rằng Eo nhưng vẫn rộng - Sông tuy rằng Cạn thế mà sâu*”.

Không rõ câu chuyện truyền thuyết vừa kể xác thực được mấy phần nhưng tục thờ thần rắn ven sông ven biển vốn là một tín ngưỡng phổ biến vùng Đông Nam Á. Mấy chữ Tam Lang cũng bắt nguồn từ tiếng Mã Lai Sakana (rắn), và các di tích cột kèo chạm khắc tại đền thì chỉ còn lưu được từ thế kỷ XVII về sau. Tuy vậy, gia phả họ Nguyễn Đức ghi chuyện này như một chuyện có thực, xảy ra vào niên hiệu Hồng Đức thứ nhất (1470). Tra trong sử, quả vào tháng Mười hai năm Canh Dần (1470-1471) vua Lê Thánh Tông có cuộc Nam chinh rất quy mô, “dọc đường, hễ đi qua đền thờ vị thần nào đều sai quan đến dâng tế lễ để cầu cho quân đi thắng trận” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ thực lục, Q. XII, tờ 59b). Đặc biệt, văn học truyền miệng trong vùng còn lưu truyền rộng rãi bài thơ *Ngự giá Kênh Giang* của Trần Đức Mậu viết về sự kiện hy hữu trên, dầu không hề nhắc đến hiện tượng sông bị cạn và vua phải lên bờ vái lạy trước miếu:

*Binh thuyền ngự giá nẻo Kênh Giang,
Giáo mác cờ giăng bát ngát hàng.
Trời rục rục, mây giời tía,
Nước mênh mênh, sóng vẫy vàng.
Cá ngom ngóp, quăng mình quẫy,
Nghé ọ ơ, thọt chân quàng.
Đón rước, dân tình chung áo dác,
Lưng trâu, thẳng mục vuồn kênh ngang.⁽³⁾*

Bốn câu đầu bài thơ mô tả khí thế của cả một đoàn binh thuyền hùng dũng cờ quạt rợp trời, ánh lên cả màu mây, sắc nước. Tiếp đến bốn câu sau dùng phép hoán dụ, bằng những cặp song âm tiết và những từ lặp độc đáo, gợi tả rất sắc hình ảnh kinh động của loài vật nhằm gián tiếp biểu hiện tâm lý thăng thốt của dân chúng trước đội thuyền binh nhà nước xuất hiện đột ngột trên sông: “*Cá ngom ngóp quăng mình quẫy / Nghé ọ ơ thột chân quàng*”. Và câu cuối cùng là một phức bút: giữa quang cảnh vừa oai nghiêm vừa nhón nháo hiện ra bất ngờ làm ai nấy xanh mặt, vẫn có xen vào một chút buống binh, cái thái độ xem thường mọi sự của con người Ích Hậu: “*Lung trâu thẳng mục vuồn kênh ngang*” – thẳng bé chần trâu vẫn nằm ngang lưng trâu mà ngủ. Bài thơ kín đáo hé lộ cá tính của tác giả, từ trong thăm sâu nó là tiếng nói phóng chiếu của một tinh thần dân chủ. Và hẳn người nói lên được ý tưởng đó, dù là vô thức, không thể là người đang khúm núm khiếp sợ trước quyền uy của ngai vàng.

Vậy mà người làm bài thơ vừa dẫn lại là một anh đồ đang theo đuổi công danh. Theo *Đặng khoa lục*, Trần Đức Mậu đỗ Hoàng giáp thứ 5 trong khoa thi mở vào năm Nhâm Thìn niên hiệu Hồng Đức thứ ba (1472) khi ông vừa tròn 32 tuổi, đúng hai năm sau cuộc hành binh của Lê Thánh Tông. Gia phả ghi rõ ông sinh năm Tân Dậu (1441), và đỗ Hoàng giáp thứ 2 chứ không phải thứ 5, lại còn chép được đầy đủ cả hai đề văn sách thi Hội và thi Đình cùng chương trình thi rất nặng trong cả năm kỳ thi của khoa đó. Chưa rõ bên nào chính xác hơn, song nhìn chung thuở bấy giờ, được nằm trong bảng Hoàng giáp đã là một vinh dự lớn, một danh hiệu còn quá hiếm hoi cho cả xứ Nghệ. Nếu tính từ Hoàng giáp trở lên thì kể từ khi nhà nước phong kiến mở trường đại học Quốc Tử Giám (1075) và tổ chức thi cử, cho đến Trần Đức Mậu, ông là người thứ bảy trong toàn trấn Nghệ An được nhận học vị cao quý này. Qua một đôi câu đối Trần Đức Mậu để lại, làm đối đáp với bạn bè vào lúc nghe tin mình đã “vượt vũ môn”, ta cũng có thể mừng tượng thấy tâm trạng phấn khích của một chàng trai quê mùa sinh ra nơi đích thực “phèn chua đất mặn”, nhờ ở nghị lực phi thường nên sau bao năm theo đòi nghiên bút, đã ra tận kinh đô Thăng Long tranh tài và được dự vào hàng khoa giáp. Đôi câu đối còn cho thấy ông là người không kém hóm hỉnh, thuộc “nòi tình”, giỏi cả đàn hát lẫn tán tỉnh các cô gái đẹp kinh kỳ:

“*Nhà thấp thấp, bóng trập trập, mừng anh chiết quế năm cành, vô trổng com cái râm tâm rập;*

Quán thành thành, rộng thênh thênh, nhéo chị Hằng Nga một cách, gảy đàn bầu cái tỉnh tàng tình”.⁽⁴⁾

Nhà thấp thấp đây chắc là nhà trọ ở kinh đô chứ không phải nhà riêng ở Ích Hậu vì có vẻ dưới nói đến quán, trong văn cảnh ta có thể hiểu là quán xá rộng rãi ở kinh kỳ, nơi anh nho sinh cùng chúng bạn vào làm vài hớp rượu và gảy đàn mừng

thi đỗ. Nhưng nhà thấp thấp cũng là biểu tượng của nhà nghèo túng. Mấy chữ “thấp thấp trập trập” cùng vần đi liền nhau mang âm hưởng đóng chữ không mở, một cái gì tối tăm kéo trĩu người ta xuống, như hai bước từ sáng lờ mờ đến tối hẳn (Nghệ Tĩnh hay nói: bóng tối trập xuống). Đối lại nó là bốn chữ đồng âm ở câu dưới “thình thình thênh thênh” vừa diễn tả tiếng động lại vừa gợi được một không gian đang mở ra, nâng tầm mắt người ta lên, cũng tạo thành hai cấp độ, làm cho cái nhìn sự vật từ thông thoáng đến tươi vui. Đôi câu đối ngắn gọn nhưng cũng nói lên rất rõ sự thay đổi tâm lý đột ngột của cái kẻ vừa được tin mình “chiết quế năm canh”, bắt đầu nhìn ngắm các người đẹp Thăng Long không còn e lệ khép nép mà đã dám cả gan lên tiếng chọc ghẹo: “nhéo chị Hằng Nga một cách” (“nhéo” là tiếng Nghệ, có nghĩa là ghẹo, nhưng nói “ghẹo” thì không gây ấn tượng, vì thế đem “nhéo” là phương ngữ đặt vào câu văn đột nhiên tạo nên giá trị một “nhãn tự” rất nặng ký). Âm thanh của tiếng trống cơm “râm tầm rập” và tiếng đàn bầu “tĩnh tàng tĩnh” đúng là tiếng reo bật lên trong lòng chàng thư sinh.

Về chức tước sau khi thi đỗ, trong phần tiểu sử Trần Đức Mậu, *Đăng khoa lục* chép tổng lược rằng ông làm quan đến chức Đông Các hiệu thư. Riêng gia phả chép kỹ hơn, cho biết mới đầu, ông được bổ Hàn Lâm Viện hiệu lý, mấy năm sau mới thăng lên Đông Các hiệu thư như ghi trong *Đăng khoa lục*. Hàn Lâm Viện là nơi khởi thảo từ hàn, bao gồm chiếu, chế, biểu, và cả thi ca cho triều đình, cũng giữ luôn việc đề xuất các điển lệ trong kỳ thi Hương. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, vào thời Lê sơ, người giữ chức này hưởng phẩm trật Chánh thất phẩm mà theo quy chế thì đỗ đến Hoàng giáp mới chỉ được Tòng thất phẩm.⁽⁵⁾ Chứng tỏ vị Hoàng giáp họ Trần có được vua biệt đãi, nên mới được giữ lại triều và cho giữ ngay chức Hiệu lý ở Hàn Lâm Viện. Còn chức Đông Các hiệu thư thì cao hơn hẳn, được xếp vào Chánh lục phẩm và có nhiệm vụ nhuận sắc những gì bên Hàn Lâm Viện chuyển sang trước khi đệ trình lên vua, đồng thời cũng đưa ra những ý kiến phân giải ở giữa triều đường về những vấn đề chưa thống nhất, để vua cân nhắc đúng sai. Đó là vị trí trọng yếu mà về sau được gọi là Nội Các. *Đăng khoa lục* không ghi năm Trần Đức Mậu mất nhưng theo gia phả, tương truyền ông làm quan được 4 năm thì tạ thế (1476). Điều này không hẳn đúng vì chỉ trong 4 năm khó lòng ông đã được thăng đến Chánh lục phẩm trong khi vừa mới đặc cách thăng Chánh thất phẩm khi mới vào triều. Dù sao, việc vua Lê Thánh Tông hết sức trọng tài ông, coi ông là bề tôi thân tín của mình, phá lệ trong cất nhắc, là một sự thực.

Và dĩ nhiên, như hai vế của một cặp phạm trù đối lập thống nhất, cái gọi là may bao giờ cũng đi kèm với rủi, sự hạnh ngộ của đấng quân vương thường vẫn có cái giá của nó. Nói như Lê Thiếu Dĩnh: “*Tân hoa hoàn hướng lạc hoa khai - Đắc sủng nguyên tòng thất sủng lai*” – Hoa mới thơm vì cũ hết hương - Người yêu vì kẻ mất yêu đương (*Cung từ*),⁽⁶⁾ Trần Đức Mậu được gần gũi vua và sớm được thăng lên một địa vị khá cao, nên chắc không thiếu gì kẻ ghen ghét. Trong một lần theo

hầu xa giá vào Nam, khi qua Ích Hậu nhà vua lại ghé thăm đền Tam Lang, tiện đường vua có hậu ý đến nhà viên cận thần để ủy lạo.⁽⁷⁾ Bất ngờ vua nhìn thấy cơ ngơi của ông có phần tráng lệ, mé tây nam có ao sen tỏa hương thơm ngát, lại có cả tượng Bồ Tát to lớn đặt trong nhà, nên ngạc nhiên, tỏ vẻ không hài lòng. Ông biết ý, sau đấy bèn cho biến tư gia thành một ngôi chùa đặt tên là chùa Trường Xuân, cho ba thôn thờ cúng, tục gọi là chùa Ba Làng, và hiến cả một phần ruộng cho chùa. Ông còn cho dựng thêm một khối đá cao vuông vức, mỗi bề rộng một thước, khắc hình một bông hoa sen rất lớn do ông vẽ lấy. Dân chúng nhớ công đức ông, về sau phối thờ ông ở gian nhà tổ. Câu chuyện được ghi khá chi tiết trong gia phả không rõ thực hư đến đâu nhưng ngôi chùa Ba Làng thì tồn tại đến tận năm 1956 mới hoàn toàn bị phá dỡ. Các cụ già ở Ích Hậu còn tận mắt nhìn thấy phiến đá lớn và còn nhớ một bài thơ của Trần Đức Mậu nhan đề *Bán gia bán tự* dường như có ngầm kín đáo bày tỏ chút tâm sự của ông:

*Không dựng nhà ở hóa nên chiến,
Bụt một hiền, thầy một hiền.
Khách đến tìm sư, hỏi mỗ cốc,
Lính vào tẩu việc, lệnh vương truyền.
Sum vườn trước, tàu cau phát,
Quạnh ao sau, tắm cá yên.
Kẻ đói nên no mà được thế,
Mưa quên nhân nghĩa ấy rằng Thiên.⁽⁸⁾*

Câu thơ thứ bảy khéo léo biến hóa từ câu thành ngữ “No nên bụt đói ra ma”, muốn tự an ủi mình, rằng được biến nhà thành chùa đã là người có phúc. Còn câu kết lại mở ra một ý tưởng mới mẻ: đạo lý nhà nho vẫn xung tụng “nhân nghĩa” nhưng nếu thực hiện được đúng đạo nhân nghĩa ở giữa cuộc đời thì cũng là Thiên rồi. Có vẻ như ông Hoàng giúp họ Trần thâm được tinh thần “tam giáo đồng nguyên” của thời Lý - Trần, mặt khác cũng không biết đây có phải là cách ông phản ứng kín đáo với chủ trương độc tôn Nho giáo của Lê thánh Tông – mà chứng cứ rõ ràng là bức tượng Di Đà bày trong nhà ông đã làm vua “xốn mắt” – hay không?

Bất hạnh đến với Trần Đức Mậu không chỉ dừng ở đấy. Gia phả còn ghi tiếp một sự kiện trọng đại: không rõ vào thời gian nào nhưng hẳn không xa lắm với thời điểm biến nhà thành chùa, ***Trần Đức Mậu đã cho con cháu đổi sang họ Nguyễn Đức*** mà duyên cớ vì sao đến nay không ai biết. Rất có thể vào thời ấy có một người con cháu nhà Trần bất mãn với triều Lê đã phát cờ xướng nghĩa nên những ai có dây mơ rễ má với nhà Trần đều phải đổi họ để tránh hậu họa. Người chép phần chính biên bản tộc phả năm 1869 là Nguyễn Vĩ thì đặt mối ngờ vào việc có một bà Hoàng hậu vua Lê Thái Tổ họ Trần nên Lê Thánh Tông đưa ra lệ kiêng húy

ngghiêm ngặt để tỏ lòng hiếu kính, những ai họ Trần vì thế đều phải cải họ. Nhưng giả thuyết của Nguyễn Vĩ bị người chép phần tục biên là Nguyễn Lợi phản bác, bởi ông xem trong quốc sử thấy nhiều quan chức đương thời vẫn giữ nguyên họ Trần mà chẳng bị làm sao. Và chẳng, trong hàng con Trần Đức Mậu vẫn có một người tên là Lân giữ lại họ Trần, một người con khác đỗ đạt rất cao, được phong đến tước hầu, còn một người cháu được bổ chức Tri phủ, nên việc người họ Trần khởi loạn và lây đến cả họ tộc cũng chưa chắc đúng. Ông Nguyễn Lợi phỏng đoán mãi đến đời Lê Trang Tông (1533 - 1548) là thời Lê - Mạc phân tranh, có khả năng con cháu Trần Đức Mậu nằm trong số bề tôi không thần phục nhà Lê trung hưng nên phải mai danh ẩn tích để rồi các thế hệ kế tiếp đành đổi sang họ Nguyễn Đức. Gia phả đứt quãng rất dài cũng vì lý do ấy. Từ việc mai danh ẩn tích vì sợ nhà Lê trung hưng truy sát lại dẫn đến việc tấm bia cao lớn ghi sự nghiệp của Trần Đức Mậu do vua Lê Thánh Tông cho dựng tại quê hương – cùng với việc lập đền thờ ông làm phúc thần – bị một nhóm người đang đêm bí mật mang đi mất tích; vào giữa thế kỷ XIX người trong dòng họ đã tìm hết cách đào bới để mong thấy lại, kể cả cho người mò lặn ở sông Kênh Cạn, mà rốt cục vẫn tìm không ra.

Theo cách nói thời nay thì tuy có gặp nhiều trắc trở hoạn nạn, trước sau Trần Đức Mậu là người “hạ cánh an toàn”. Duy có một bài thơ của ông làm vào lúc cuối đời, bài *Tức sự*, đã hé ra chút ít tia sáng về con người thực của ông. Ông là người không thuận dòng thời cuộc. Đảm nhận một chức quan văn ở giữa triều đình, chưa phải bậc trọng thần song lại liên quan đến nhiều việc hệ trọng của hoàng đế, lại được nhà vua tín nhiệm, muốn gỡ ra làm một chức quan ngoài là điều rất khó. Mang danh cố vấn cho vua mà thực chất không có việc gì được tự quyết, trong khi xung quanh trăm mắt nhìn vào, ông dường như cảm thấy mỗi mết. Cái ý tưởng cáo hưu để ngao du sơn thủy nơi quê hương “non xanh nước biếc” luôn hiện ra lờn vờn trong tâm trí ông:

*Sự thế nên chẳng dọm hỏi trời,
Biết lòng biết mặt thuở đây vui.
Tĩnh đường, quang rậm âu khôn tính,
Mời bạn, thiệt hơn lọ dễ mời.
Ngựa phi đường ngái, nên mời,
Chim đỗ cành cong, kíp dời.
Nhẹ gánh triều quan ao ước bấy,
Tàng xanh non Hống⁽⁹⁾ thỏa vin chơi.⁽¹⁰⁾*

Với khoảng cách 6 thế kỷ, tư liệu thành văn mất mát hầu hết, chắc chắn việc tái lập chân dung một người như Trần Đức Mậu mà chúng tôi đã làm là một sự liều lĩnh, bởi hình ảnh ấy sẽ không tránh khỏi bị khúc xạ qua nhiều lăng kính, nhất là lăng kính truyền thuyết dân gian. Dầu sao, bộ tộc phả của dòng họ Trần Đức Mậu

may mắn còn giữ được cũng bổ sung giúp ta một cái nhìn từ bên trong, giúp nắm bắt được một vài nét tính cách của đối tượng mà ta tập trung soi chiếu, một con người giữ được bản sắc riêng, có cái kiên cường của người dân Ích Hậu, không cực đoan theo Nho giáo như đa số sĩ phu cùng thời đại, và giữa lúc đường công danh đang thăng tiến lại muốn tìm cách “đứng sang bên lề”. Đó có lẽ là phần không đồng dạng giữa con người này với những gương mặt danh sĩ khác ở thế kỷ XV mà chúng ta cần tiếp tục đi sâu làm rõ.

Tháng 12 /2012

N H C

NIÊN BIỂU TRẦN ĐỨC MẬU

1441: Sinh tại xã Ích Hậu, huyện Thiên Lộc, trấn/thừa tuyên Nghệ An.

1470: Làm thơ tỏ chí khi xa giá vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, ghé qua sông Kênh Cạn ở Ích Hậu.

1472: Đỗ Hoàng giáp thứ 2 (theo *Nguyễn Đức thị Đông Các đại tông phổ toàn biên*) hoặc thứ 5 (theo *Đăng khoa lục*).

1472: Được bổ chức Hàn lâm Hiệu lý ở Viện Hàn Lâm.

1474 (?): Được thăng chức Đông Các Hiệu thư ở Tòa Đông Các.

1474-1476: Thập tửng vua Lê Thánh Tông đi kinh lý ở xứ Nghệ. Vua có ghé thăm dinh cơ của TĐM ở quê quán và tỏ ý không hài lòng vì ông thờ Phật Di Đà trong nhà. Sau đó TĐM đã hiến ngôi nhà làm chùa cho địa phương, đặt tên là chùa Trường Xuân (tục gọi chùa Ba Làng). Chùa này tồn tại đến 1956 thì bị phá bỏ.

1476: Xin về hưu, rong chơi ở núi Hồng Lĩnh nhưng được vua Lê Thánh Tông cho về nghỉ một thời gian rồi ra nhậm chức trở lại. Theo *Nguyễn Đức thị Đông Các đại tông phổ toàn biên*, trong năm này TĐM mất, được triều đình cử đại thần về làm lễ tế và dựng bia công đức, tuy vậy năm mất và cũng là năm về nghỉ còn có chỗ đáng ngờ. Nhiều thế kỷ sau, do sự ganh ghét của một số thế lực ở địa phương, bia bị trộm mất trong đêm, đến nay chưa tìm thấy lại. Đền thờ cũng trải qua nhiều phen thay đổi. Cũng trong thời gian chưa thể xác định lúc TĐM còn sống hay đã mất, một bộ phận khá lớn con cháu phải đổi sang họ Nguyễn để tránh vạ diệt tộc, chưa rõ vì lý do gì. Hiện nay con cháu có nhánh còn giữ họ Trần, nhưng những nhánh chủ yếu mang họ Nguyễn Đức (Ích Hậu, Thanh Lang, đều thuộc Lộc Hà) và Nguyễn Đình (Xa Lang, Hương Sơn), trong đó có họ Nguyễn Đức lục chi ở Ích Hậu có đóng góp nhiều về văn hóa cho đất nước.

1911: Đền thờ cuối cùng bị cháy.

1914: Họ Nguyễn Đức lục chi dựng lại văn bia TĐM trên nền đền thờ còn lại, do nhà giáo Nguyễn Hiệt Chi, Tộc trưởng đời thứ 4, soạn bài văn.

1931: Họ Nguyễn Đức lục chi dựng lại đền thờ trên nền cũ. Về sau nhà Bái Đường lại bị cháy lần nữa.

2014: Họ Nguyễn Đức lục chi cùng các nhánh họ khác ở Ích Hậu và Thanh Lang tổ chức xây nhà Bái Đường và mở mang thượng điện, trùng tu toàn bộ khu di tích của TĐM.

2016: Đền thờ TĐM được xếp hạng di tích cấp tỉnh.

CHÚ THÍCH

- (1) Từ Ích Hậu ra đến biển khoảng 9km, cứ cách một quãng đồng sâu lại nổi lên một cồn cát, ở miền Nam gọi là *giồng*. Cồn cát tại Ích Hậu có tên là Cồn Chũ, rất cao nên xưa kia được gọi là rú Ngột (Ngột Sơn 岬山). Tên cổ của xã Ích Hậu 益厚 là Hà Bạc 遐薄.

- (2) Một số tên đất ở vùng này chưa thể giải nghĩa như rú *Bin*, giếng *Tran*, bến *Ên*... phải chăng là vết tích tiếng Mường hay tiếng Chăm xa xưa? Lại có một số tên khác như cánh đồng *Nhà Dàng*, theo Bác sĩ Nguyễn Kinh Chi có khả năng bắt nguồn từ tiếng *Yang*, thần của Champa.
- (3) *Ca dao, thơ phú và chuyện hát Nghệ Tĩnh*, Sđd.
- (4) *Nguyễn Đức thị Đông Các đại tông phổ toàn biên*, Sđd.
- (5) Xem thêm *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ thực lục, Q. XII, tờ 73a.
- (6) Nhóm Lê Quý Đôn dịch, *Hoàng Việt thi văn tuyển*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1958.
- (7) Gia phả chép chuyển đi này và chuyển đi năm Canh Dần (1470-1471) của Lê Thánh Tông là một, theo chúng tôi là nhầm lẫn vì nếu việc xảy ra năm Canh Dần thì Trần Đức Mậu chưa đỗ Hoàng giáp, làm sao vua có thể biết tên. Nhưng sau năm Canh Dần, không thấy Lê Thánh Tông có một lần nào hành binh về phía Nam trừ các cuộc đánh Sơn Man (Quý Tỵ - 1473 và Giáp Ngọ - 1474), Lão Qua, Bồn Man (Kỷ Hợi - 1479).... Nếu có việc vua ghé thăm nhà Trần Đức Mậu có lẽ là trong một dịp ông tuần du chẳng, vì ông vua này thường xuyên đi tuần du khắp nơi trên đất nước.
- (8) *Ca dao, thơ phú và chuyện hát Nghệ Tĩnh*, Sđd.
- (9) Tức núi Hồng Lĩnh.
- (10) *Ca dao, thơ phú và chuyện hát Nghệ Tĩnh*, Sđd.

TÓM TẮT

Là một trong hai vị Hoàng giáp của xã Ích Hậu (huyện Lộc Hà, Hà Tĩnh), Trần Đức Mậu vốn con cháu hoàng tộc nhà Trần từ Thiên Trường (Nam Định) di cư vào Nghệ Tĩnh, cũng nằm trong số 7 người đạt được học vị đại khoa từ Hoàng giáp trở lên của xứ Nghệ tính từ khi có khoa cử đến năm ông thi đỗ (1472). Cũng như rất nhiều danh sĩ có tên tuổi trong khoa bảng nhưng tài liệu về họ hầu hết thất truyền, việc phục dựng một số nét về tính cách con người và văn nghiệp của họ phải sử dụng phương pháp bổ túc giữa tư liệu thành văn với gia phả và truyền thuyết khai thác tại địa phương. Thông qua phương pháp này, có thể tìm thấy ở Trần Đức Mậu một cá tính cứng cỏi, một xu hướng ngả về tam giáo đồng nguyên chứ không tôn Nho triệt để, vì thế ông trở thành cô đơn giữa triều đình Lê Thánh Tông và phải thoái lui khá sớm, mặc dù được nhà vua trọng dụng. Quãng đời cuối của ông vẫn còn đặt ra nhiều dấu hỏi và việc con cháu ông phải đổi sang họ Nguyễn để tránh vạ diệt tộc còn là một nghi vấn chưa có cách gì làm sáng tỏ.

ABSTRACT

SECOND-RANK DOCTOR TRẦN ĐỨC MẬU – A TALENTED AND UNLUCKY FIGURE

As one of the two second-rank doctors coming from Ích Hậu commune (Lộc Hà district, Hà Tĩnh province), Trần Đức Mậu was a descendant of the Trần royal family emigrating to Nghệ Tĩnh from Thiên Trường (Nam Định). He was among the seven Nghệ Tĩnh persons who graduated from the pre-court competition-examination from the beginning of the system of former competition-examinations until the year of his graduation (1472). With famous scholars whose histories have not been known, the method of finding some features of their personalities and literary career must depend on family annals combined with local legends. Through this method, Trần Đức Mậu appeared to have a firm character with the trend toward the principle of the "Triple religion" (Three teachings are of the same source), not adoring Confucianism absolutely; thus, he became lonely in the court of King Lê Thánh Tông and had to retire quite early despite his being appointed to important posts. There are still many questions about the end of his life time and the reason why his descendants had to change to the family name of Nguyễn to avoid the risk of familial extermination which have not been clarified yet.